

Bản án số: 53/2020/HSST
Ngày 17- 6 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khánh Loan, ông Nguyễn Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Quàng Thị P, sinh năm 1989 tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản C, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Văn Kh và bà Cà Thị T (đã chết); bố nuôi là Quàng Văn H, mẹ nuôi là Quàng Thị N; bị cáo có chồng là Tòng Văn H (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007 là con riêng của bị cáo, con nhỏ nhất sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 13/4/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 09 năm tù về tội Mua bán người (đến nay bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tù); hành vi phạm tội ngày 23/11/2014 của bị cáo xảy ra trước ngày xét xử của Bản án ngày 13/4/2016.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La, đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Tòng Văn H, sinh ngày 17 tháng 4 năm 1992, tại huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản C, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tòng Văn C (đã chết) và bà Lò Thị L; bị cáo có vợ là Quàng Thị P (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2010 là con riêng của bị cáo, con nhỏ nhất sinh năm 2014); Tiền án, tiền

sự: Không;

Ngày 13/4/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán người (đến nay bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tù); hành vi phạm tội ngày 23/11/2014 của bị cáo xảy ra trước ngày xét xử của Bản án ngày 13/4/2016.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La, đến nay có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Chị Cà Văn K, sinh năm 2000, trú tại: Bản C, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

* *Người đại diện của bị hại*: Ông Cà Văn L, sinh năm 1979, trú tại: Bản C, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*: Ông Tòng Văn Minh, là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Quàng Thị P*: Ông Cầm Hải Du là Luật sư Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Tòng Văn H*: Ông Nguyễn Bá Linh là Luật sư Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/10/2019, Cơ quan An ninh điều tra (PA09) Công an tỉnh Sơn La tiếp nhận đơn tố cáo của Cà Thị K sinh ngày 09/12/2000 trú tại Bản C, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La với nội dung: Ngày 21/11/2014 vợ chồng Tòng Văn H và Quàng Thị P đều trú tại Bản C, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, đã đưa K sang Trung Quốc bán.

Sau khi tiếp nhận đơn của Cà Thị K, Cơ quan An ninh điều tra đã xác minh, điều tra đối với vợ chồng Quàng Thị P, Tòng Văn H kết quả xác định: Ngày 13/4/2016 Quàng Thị P bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 09 năm tù, Tòng Văn H bị xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán người, theo quy định tại Điều 119 BLHS năm 1999. Quàng Thị P hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Ninh Khánh - Bộ Công an, Tòng Văn H đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Yên Hạ - Bộ Công an.

Quá trình điều tra các bị cáo Quàng Thị P, Tòng Văn H khai nhận:

Năm 2006 Quàng Thị P bị lừa bán sang Trung Quốc, đến năm 2009 P trốn được về Việt Nam sống tại bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La sau đó kết hôn với Tòng Văn H và sinh sống tại Bản C, xã M, huyện Mường La. Ngày 21/11/2014, Quàng Thị P gặp Cà Thị K là người ở cùng bản khi K đi chăn ngựa ở khu vực gần nhà P. Qua nói chuyện P rủ K đi làm thuê cùng P với mức thu nhập

cao (P không nói ý định đưa K sang Trung Quốc để bán), K nhất trí, P đưa cho K một chiếc điện thoại di động để khi nào đi thì P gọi.

Sau khi rủ được K, sáng ngày 22/11/2014, P gọi điện cho một người phụ nữ tên Dung ở Trung Quốc (trong thời gian ở Trung Quốc P quen và có số điện thoại của người phụ nữ này) hỏi ở bên Trung Quốc biết ai có nhu cầu lấy vợ người Việt Nam không để P đưa sang, Dung bảo cứ đưa người sang Dung sẽ đón ở gần cửa khẩu quốc tế Lào Cai (P, Dung không thỏa thuận tiền bán K là bao nhiêu).

Khoảng 15 giờ ngày 23/11/2014, P gọi điện bảo K ra đầu bản sẽ có Tông Văn H (chồng của P) đến đón để đi làm thuê, K đồng ý. Sau đó, P nói với H về việc sẽ đưa K sang Trung Quốc bán và bảo H chở P cùng con gái 08 tháng tuổi ra khu vực dốc Cao Pha (gần cầu Năm Pàn, xã M, huyện Mường La) thuộc Quốc lộ 279D đón xe khách rồi quay lại đón K. H lấy xe máy chở hai mẹ con P ra Quốc lộ 279D thuộc địa phận bản Hua Bó, xã M rồi quay lại đầu Bản C đón K. Khi đến đầu Bản C, H thấy K đi xe đạp đến, H bảo K lên xe máy để H chở đến chỗ P đang đợi, K nhất trí và để lại chiếc xe đạp ở khu vực đầu Bản C rồi lên xe máy để H chở đi đến chỗ P đứng đợi. Sau khi giao K cho P, H điều khiển xe máy về nhà, còn P bế con nhỏ cùng K đón xe khách đến bến xe khách thành phố Sơn La rồi ngủ lại qua đêm ở một nhà trọ gần bến xe.

Khoảng 05 giờ ngày 24/11/2014, P cùng K đi xe khách đến thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, sau đó thuê xe ôm đi đến khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc rồi thuê thuyền đi qua sông sang Trung Quốc gặp Dung cùng một nhóm người đàn ông Trung Quốc đang đợi sẵn. P giao K cho Dung và được Dung trả cho 5.000.000 đồng và hứa sẽ đưa thêm tiền cho P nếu bán K được giá cao, P đồng ý. Do P và Dung trao đổi với nhau bằng tiếng Trung Quốc nên K không hiểu nội dung trao đổi giữa P và Dung. Sau khi nhận tiền xong P bảo K đi theo Dung và nhóm người trên vào nội địa Trung Quốc, còn P bế con nhỏ quay trở về Bản C, M, Mường La. Sau khi về đến nhà P nói với H đã bán K sang Trung Quốc được 5.000.000 đồng, số tiền này hai vợ chồng P, H đã sử dụng hết cho việc chi tiêu sinh hoạt chung của gia đình.

Về phía bị hại Cà Thị K: Sau khi P quay về bị nhóm người Trung Quốc đưa lên xe ô tô đi vào nội địa Trung Quốc đến một ngôi nhà 02 tầng không rõ địa chỉ cụ thể, K bị nhóm người Trung Quốc này quản lý ở chung với một số người phụ nữ Việt Nam khác. Lúc này K mới biết bị P và H lừa bán. Trong thời gian ở Trung Quốc, K thường xuyên bị đánh đập, ép buộc làm việc nhà. Ngày 09/8/2019, lợi dụng sơ hở của các đối tượng quản lý, K đã bỏ trốn về Việt Nam, sau đó đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La trình báo về việc bị Quàng Thị P, Tông Văn H lừa đưa sang Trung Quốc bán. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Cà Thị K sinh ngày 09/12/2000 (tính đến ngày bị P, H đưa sang Trung Quốc bán, K được 13 tuổi 11 tháng 14 ngày) Cà Thị K yêu cầu P, H bồi thường tổn thất về danh dự, nhân phẩm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Đối với người phụ nữ tên Dung ở Trung Quốc, Quàng Thị P khai không biết

địa chỉ cụ thể ở đâu. Do vậy Cơ quan an ninh điều tra không có căn cứ để xác minh, điều tra.

Tại Cáo trạng số 57/VKS-P1 ngày 15/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Quàng Thị P, Tòng Văn H về tội Mua bán người dưới 16 tuổi, theo điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Quàng Thị P, Tòng Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng nêu, các bị cáo không khai báo gì thêm.

- Bị hại Cà Thị K và người đại diện của bị hại là ông Cà Văn L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chi phí tìm kiếm, đón Cà Thị K và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần trong suốt gần 05 năm bị hại bị bán sang Trung Quốc với số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Quàng Thị P, Tòng Văn H phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Quàng Thị P từ 12 đến 13 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo; Áp dụng vào khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với hình phạt 09 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2016/HSST ngày 13/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, buộc bị cáo Quàng Thị P phải chấp hành mức hình phạt tù chung.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tòng Văn H từ 08 đến 09 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo; Áp dụng vào khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với hình phạt 07 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2016/HSST ngày 13/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, buộc bị cáo Tòng Văn H phải chấp hành mức hình phạt tù chung.

Áp dụng Điều 592 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại tiền chi phí tìm kiếm và tổn thất tinh thần cho bị hại.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Quàng Thị P nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức hiểu biết về pháp luật hạn chế; bị cáo cũng từng là nạn nhân của tội phạm mua bán người và có hoàn cảnh khó khăn cả hai vợ chồng đều đang phải chấp hành án, bị cáo thành khẩn khai báo và khai ra chồng là Tòng Văn H nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, luật sư đề nghị áp dụng Điều 54 xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 08 đến 09 năm tù.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Tòng Văn H nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết bị cáo không có tiền án tiền sự, thành khẩn

khai báo, tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, luật sư đề nghị xử phạt bị cáo ở mức thấp của mức hình phạt Viện kiểm sát đã đề nghị.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, ông Tòng Văn Minh có ý kiến: Nhất trí cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với các bị cáo; ngoài ra các Luật sư cho rằng các bị cáo phạm tội do hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế là không đúng bởi ngoài lần phạm tội này cùng thời điểm các bị cáo đã thực hiện việc mua bán nhiều người khác, không thể nói có hoàn cảnh khó khăn thì phạm tội, mọi người đều bình đẳng và phải chấp hành pháp luật như nhau; hiện gia đình bị hại giảm mức bồi thường và yêu cầu các bị cáo bồi thường 50 triệu đồng.

- Bị hại Cà Thị K và người đại diện nhất trí quan điểm của trợ giúp viên pháp lý.

- Các bị cáo nhất trí với quan điểm của bào chữa của luật sư và trình bày do điều kiện kinh tế khó khăn, đông con nhỏ nên sau này chỉ có khả năng bồi thường cho bị hại mức 20 triệu đồng, các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phần tranh luận Kiểm sát viên và các luật sư, bị cáo, bị hại và người đại diện bị hại giữ nguyên quan điểm như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa và lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra là đồng nhất, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo, đã thể hiện: Lợi dụng sự thiếu hiểu biết, nhận thức còn hạn chế của bị hại, Quàng Thị P đã lừa dối bị hại bằng cách đưa ra thông tin về đi làm thuê có thu nhập cao nhưng thực chất là để dụ dỗ, lừa bán bị hại Cà Thị K sang Trung Quốc nhằm mục đích hưởng lợi. Ngày 24/11/2014 Quàng Thị P với sự giúp sức của và Tòng Văn H đã thực hiện hành vi đưa Cà Thị K sang Trung Quốc bán và hưởng lợi 5.000.000đ. Sau gần 05 năm bị lừa bán sang Trung Quốc, ngày 09/8/2019, lợi dụng sơ hở của các đối tượng quản lý bên Trung Quốc, Cà Thị K đã bỏ trốn về Việt Nam sau đó đến Phòng An ninh điều tra - Công an tỉnh Sơn La tố cáo hành vi mua bán người của Quàng Thị P và Tòng Văn H.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn tố cáo của chị Cà Thị K, trú tại Bản C, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La gửi Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La với nội dung tố cáo Quàng Thị P và Tòng Văn H có hành vi lừa bán K sang Trung Quốc.

- Kết quả nhận dạng ảnh đối với các bị cáo Quàng Thị P và Tòng Văn H của bị hại Cà Thị K.

- Lời khai của các bị cáo Quàng Thị P, Tòng Văn H tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại Cà Thị K, phù hợp với nhau về nội dung trao đổi liên quan việc hứa hẹn đón, đưa bị hại sang Trung Quốc, phù hợp về thời gian, địa điểm hẹn gặp để đón bị hại Cà Thị K.

- Giấy khai sinh của Cà Thị K, thể hiện bị hại Cà Thị K sinh ngày 09/12/2000, tính đến thời điểm bị các bị cáo lừa bán sang Trung Quốc Cà Thị K mới được 13 tuổi 11 tháng 14 ngày.

Từ các căn cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở kết luận các các bị cáo Quàng Thị P, Lò Văn H phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 151 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo Quàng Thị P, Lò Văn H đã thực hiện hành vi mua bán người dưới 16 tuổi ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nên đã phạm vào tình tiết “*Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

[4] Xét về tính chất, mức độ, phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án:

Hành vi dụ dỗ, lừa đưa bị hại Cà Thị K sang Trung Quốc bán cho người phụ nữ tên là Dung của các bị cáo Quàng Thị P và Tòng Văn H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của con người, xâm phạm nghiêm trọng sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của bị hại, gây tâm lý hoang mang và bất bình cho quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo Quàng Thị P trước đây cũng đã bị lừa bán sang trung Quốc, sau khi trở về địa phương đã không thức tỉnh để làm ăn lương thiện mà tiếp tục giữ mối liên hệ với các đối tượng xấu. Lợi dụng điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn và sự thiếu hiểu biết của bị hại đã trực tiếp thực hiện hành vi lừa dối bị hại và lôi kéo Tòng Văn H cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án do đó cần phải xử nghiêm khắc hơn.

Đối với Tòng Văn H, biết hành vi sai trái của P nhưng không ngăn cản mà còn tham gia đưa P ra nơi đón xe và đón bị hại giao cho P để đưa sang Trung Quốc bán, do đó bị cáo là đồng phạm với vai trò người giúp sức.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Quàng Thị P có bố đẻ có thành tích được tặng bằng khen nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra Luật sư cho rằng trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ngoài ra còn khai ra đồng phạm là Tòng Văn H nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng Điều 54 để giảm hình phạt dưới khung được áp dụng. Tuy nhiên, tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện sau khi bị hại trở về Việt Nam đã có đơn tố cáo hành vi phạm tội của P và H và đây là cơ sở để cơ quan chức năng điều tra xử lý đối với các bị cáo, nên lời khai của bị cáo Quàng Thị P trong quá trình điều tra chỉ được xem xét áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo và bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, giữ vai trò chính trong vụ án nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Luật sư về việc áp dụng Điều 54 để xử bị cáo P mức hình phạt thấp hơn khung hình phạt được áp dụng.

Đối với bị cáo Tòng Văn H là đồng phạm người giúp sức cho P vai trò không đáng kể nên được xem xét áp dụng thêm Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung (*phạt tiền*): Các bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại một bản án khác nên không có khả năng thi hành, do đó không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 100.000.000đ (một trăm triệu). Tại phiên tòa bị hại và người đại diện của bị hại giảm mức bồi thường và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chi phí tìm kiếm và đón đưa bị hại khi về Việt Nam, tiền bồi thường tổn thất về tinh với số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), các bị cáo chỉ nhất trí bồi thường mức 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Xét thấy các bị cáo đã gây ra thiệt hại và yêu cầu bồi thường của bị hại đối với các bị cáo là chính đáng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại và người đại diện không đưa ra được căn cứ chứng minh mức độ thiệt hại, đối chiếu với các quy định tại Điều 692 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 03/2006 ngày 08/7/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận $\frac{1}{2}$ mức yêu cầu bồi thường của bị hại đối với các bị cáo, là phù hợp với mức bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần và các chi phí cần thiết khác để tìm kiếm, đưa đón bị hại, phù hợp với điều kiện thu nhập sinh hoạt tại địa phương và cần buộc các bị cáo phải liên đới trách nhiệm bồi thường cho bị hại khoản tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng)

[8] Đối với khoản tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) các bị cáo có được từ việc mua bán người, các bị cáo đã sử dụng hết vào việc sinh hoạt chung trong gia đình, xét đây là khoản tiền hưởng lợi không chính đáng cần truy thu để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Quàng Thị P phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

- Xử phạt bị cáo Quàng Thị P 12 (mười hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt với hình phạt 09 (chín) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2016/HSST ngày 13/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, buộc bị cáo Quàng Thị P phải chấp hành mức hình phạt tù chung là 21 (hai một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/5/2016 (ngày bị cáo bị bắt để chấp hành Bản án số 68/2016/HSST ngày 13/4/2016).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54; Điều 58, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Tòng Văn H phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

- Xử phạt bị cáo Tòng Văn H 08 (tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt với hình phạt 07 (bảy) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2016/HSST ngày 13/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, buộc bị cáo Tòng Văn H phải chấp hành mức hình phạt tù chung là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02/10/2015 (ngày tính thời hạn chấp hành hình phạt tù của Bản án số 68/2016/HSST ngày 13/4/2016) .

- Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Truy thu số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, trong đó truy thu của bị cáo Quàng Thị P 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) truy thu của bị cáo Tòng Văn H 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, 592 Bộ luật dân sự, tuyên: Buộc các bị cáo Quàng Thị P, Tòng Văn H phải liên đới bồi thường cho người bị hại Cà Thị K số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường Cà Thị K 12.500.000đ (mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Quàng Thị P, Tòng Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 625.000đ (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự. Tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu 825.000đ (tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Trại giam Yên Hạ;
- Trại giam Ninh Khánh;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Huy Hiệp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Các Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**